

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 289/2026/DS-PT
Ngày 31 tháng 3 năm 2026
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán: Ông Phùng Văn Định

Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 392/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 466/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Võ Văn T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp I, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp I, xã K, tỉnh Cà Mau). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn N - Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Chị Võ Hồng T1, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp F, xã K, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp B, xã K, tỉnh Cà Mau). (Có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Danh Thanh N1, sinh năm 1991 và chị Võ Huỳnh N2, sinh năm 2002; Cùng địa chỉ: Ấp H, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp H, xã K, tỉnh Cà Mau). (Vắng mặt)

- **Người kháng cáo:** Ông Võ Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày:

Bà Võ Thị H được cấp Giấy chứng nhận số A 478260 ngày 20/7/1991, thửa 171, 170, tờ bản đồ số 8, diện tích 10.100m², đất tọa lạc tại ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp F, xã K, tỉnh Cà Mau).

Nguyên đơn là người con nuôi duy nhất của bà H.

Bà Võ Thị H chết ngày 20/5/2018.

Thời điểm bà H còn sống, thì phần đất 10.100m², là do nguyên đơn cùng bà H quản lý, nhưng do gia đình khó khăn ông T cùng vợ đi làm thuê ở địa phương để kiếm sống. Sau đó chị T1 (là con nguyên đơn) về sống chung với bà H, đến khi bà H chết chị T1 quản lý phần đất 10.100m² cho đến nay. Nguyên đơn có yêu cầu chị T1 phải giao lại phần đất này để nguyên đơn làm thủ tục thừa kế, nhưng chị T1 không đồng ý. Chị T1 cho rằng, phần đất này bà H đã tặng cho chị T1, nhưng thời điểm này bà H đã lớn tuổi, sức khỏe đã yếu, không còn minh mẫn, việc bà H tặng cho đất chị T1 là không đúng quy định.

Nay, ông Võ Văn T khởi kiện yêu cầu xác định phần đất 10.100m² (qua đo đạc thực tế là 12.286,4m²) là di sản của bà Võ Thị H chết để lại, ông T là người thừa kế thứ nhất, được quyền hưởng thừa kế phần đất 12.286,4m², buộc chị T1 phải giao lại cho ông T phần đất 12.286,4m², đất tọa lạc tại ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp F, xã K, tỉnh Cà Mau).

* Bị đơn chị Võ Hồng T1, người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền là ông Nguyễn Hoàng G trình bày:

Bà Võ Thị H được cấp Giấy chứng nhận số A 478260 ngày 20/7/1991, thửa 171, 170, tờ bản đồ số 8, diện tích 10.100m² (qua đo đạc thực tế là 12.286,4m²), đất tọa lạc tại ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp F, xã K, tỉnh Cà Mau).

Bà H sinh sống một mình, không có chồng, bà H nhận ông Võ Văn T về nuôi dưỡng cho đến lớn.

Quá trình chung sống với bà H, ông T bắt cần bà H, năm 2002 bà H sang nhượng của ông Quách Văn N3 ở ấp I, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau, phần đất khoảng 15.000 m² để cho ông Võ Văn T, vợ chồng ông T quản lý sử dụng đến nay. Còn chị T1 là con ông T về sống chung và nuôi dưỡng bà H cho đến ngày 20/5/2018 bà H chết. Thời điểm bà H chết, vợ chồng ông T cũng không về để tang, lo đám tang phụ với chị T1, để cho chị T1 tự lo đám tang và thờ cúng bà H cho đến nay. Lúc còn sống, bà H đã lập Hợp đồng để tặng cho chị T1 toàn bộ phần đất 10.100m², sau đó chị T1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T điều chỉnh sang tên chị T1 ngày 13/02/2017.

Như vậy, việc ông T khởi kiện để yêu cầu chị T1 giao lại phần đất 12.286,4m² cho ông T là không có cơ sở, chị T1 không đồng ý.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T như sau:

- Về việc yêu cầu xác định diện tích 12.286,4m², thửa 359, 377, tờ bản đồ địa chính số 10 (Bản đồ chỉnh lý năm 2022), là di sản của bà Võ Thị H chết để lại.

- Về việc yêu cầu xác định ông Võ Văn T được quyền hưởng thừa kế diện tích 12.286,4m², thửa 359, 377, tờ bản đồ địa chính số 10 (Bản đồ chỉnh lý năm 2022).

- Về việc yêu cầu chị Võ Hồng T1 phải giao lại cho ông Võ Văn T diện tích 12.286,4m², thửa 359, 377, tờ bản đồ địa chính số 10 (Bản đồ chỉnh lý năm 2022).

Phần đất có địa chỉ tại ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp F, xã K, tỉnh Cà Mau).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2025, ông Võ Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Ông Võ Văn T thống nhất ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà T1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông T nộp trong thời hạn luật định, đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Anh Danh Thanh N1, chị Võ Huỳnh N2 có yêu cầu xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Võ Văn T yêu cầu xác định phần đất 10.100m² (qua đo đạc thực tế là 12.286,4m²) là di sản của bà Võ Thị H chết để lại, ông T là người thừa kế thứ nhất, được quyền hưởng thừa kế, buộc chị T1 phải giao lại cho ông T phần đất nêu trên, đất tọa lạc tại ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp F, xã K, tỉnh Cà Mau), Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Võ Thị H được cấp Giấy chứng nhận số A 478260 ngày 20/7/1991, thửa 171, 170, tờ bản đồ số 8, diện tích 10.100m², đất tọa lạc tại ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp F, xã K, tỉnh Cà Mau).

Qua đo đạc thực tế tại Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 24/3/2025 phần đất này có diện tích là 12.286,4m², thuộc thửa 359, thửa 377, tờ bản đồ địa chính số 10 (Bản đồ chỉnh lý năm 2022) đất tọa lạc tại ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp F, xã K, tỉnh Cà Mau).

Ngày 28/12/2016, bà H lập Hợp đồng để tặng cho chị T1 toàn bộ phần đất 10.100m², sau đó chị T1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T chỉnh lý biên động sang tên chị T1 ngày 13/02/2017.

Tại Công văn số 50/CV-PC09 ngày 16/3/2016 của Phòng K công an tỉnh C xác định :

“Ngày 13 tháng 3 năm 2026 Phòng K Công an tỉnh C nhận được Quyết định trưng cầu giám định số: 317/2026/QĐ-TCGD ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Yêu cầu giám định chữ ký Võ Thị H trên "HỢP ĐỒNG TẶNG CHO QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT" chứng thực ngày 28/12/2016 so với chữ ký của Võ Thị H (Võ Thị Q) trên tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không?

Nay Phòng Kỹ thuật hình sự từ chối giám định các chữ ký trong vụ việc nêu trên lý do như sau: Qua nghiên cứu giám định sơ bộ các tài liệu, nhận thấy: Chữ ký của Võ Thị H (Võ Thị Q) trên tài liệu mẫu so sánh không ổn định nên chưa đủ cơ sở dùng làm mẫu so sánh”.

Ông T cho rằng, thời điểm ngày 28/12/2016 bà H đã lớn tuổi, sức khoẻ yếu, tinh thần không còn minh mẫn, việc bà H ký giấy tặng cho chị T1 phần đất 10.100m² (qua đo đạc thực tế là 12.286,4m²) là không đúng quy định, nhưng ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông T.

Như vậy phần đất 10.100m² (qua đo đạc thực tế là 12.286,4m²) là của bà H, nhưng bà H đã tặng cho chị T1, chị T1 đã được Nhà nước thừa nhận quyền sử dụng đất, nên phần đất nêu trên không còn là di sản của bà H, do đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.*

...

Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”

Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T; Chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các phần Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 106/2025/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3-Cà Mau.

Căn cứ các điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 234, Điều 612, Điều 624, Điều 630 Bộ luật Dân sự .

Căn cứ Điều 236 Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T như sau:

- Về việc yêu cầu xác định diện tích 12.286,4m², thửa 359, 377, tờ bản đồ địa chính số 10 (Bản đồ chỉnh lý năm 2022), là di sản của bà Võ Thị H chết để lại.

- Về việc yêu cầu xác định ông Võ Văn T được quyền hưởng thừa kế diện tích 12.286,4m², thửa 359, 377, tờ bản đồ địa chính số 10 (Bản đồ chỉnh lý năm 2022).

- Về việc yêu cầu chị Võ Hồng T1 phải giao lại cho ông Võ Văn T diện tích 12.286,4m², thửa 359, 377, tờ bản đồ địa chính số 10 (Bản đồ chỉnh lý năm 2022).

Phần đất có địa chỉ tại ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp F, xã K, tỉnh Cà Mau).

(Kèm theo Bản vẽ Trích đo hiện trạng ngày 24/3/2025).

2/ Về chi phí tố tụng: Buộc ông Võ Văn T phải chịu chi phí tố tụng số tiền 26.928.000 đồng, ông Võ Văn T đã nộp xong.

3/ Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn T phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005840 ngày 05/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau), được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011685 ngày 28/8/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-Cà Mau), được chuyển thu án phí.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND khu vực 3-CM;
- Phòng THADS khu vực 3-CM;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Trần Quỳnh Phương